

Bản án số: 37/2025/KDTM-ST

Ngày: 23-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thành Viên

Bà Châu Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 126/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2025/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2025/QĐST-KDTM ngày ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A; trụ sở: Tầng 9, tòa nhà ACB Tower, số 444A-446, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngân, sinh năm 1995, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo Văn bản ủy quyền số 19/UQ-TGD.24 ngày 15/8/2024; địa chỉ liên lạc: Tầng 9, tòa nhà ACB Tower, số 444A-446, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần nhựa Đ (tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đ); địa chỉ trụ sở: Phường X, quận V, Thành phố H;

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Đặng C, sinh năm 1982; địa chỉ: Phường L, thành phố T, Thành phố H; (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng C, sinh năm 1982; địa chỉ: Phường L, thành phố T, Thành phố H; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp ngày 27 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A trình bày:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A là tổ chức tín dụng phi ngân hàng với chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty Cổ phần nhựa Đ (gọi tắt là Công ty Cổ phần nhựa Đ) là khách hàng thuê tài chính của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A (gọi tắt là Công ty Tài chính).

Do Công ty Cổ phần nhựa Đ có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty Tài chính tài trợ tài chính nên hai bên đã ký các hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020, số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020 và số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020, Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ/PL01 ngày 23/9/2021; cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020:

Tài sản cho thuê tài chính gồm 04 máy ép nhựa, nhãn hiệu HAITAI, năm sản xuất 2017, xuất xứ Trung Quốc; cụ thể:

Máy 1: Model: HTL500-F5; số Serial: 04022

Máy 2: Model: HTL380A-F5; số Serial: 05036

Máy 3: Model: HTL250-F5; số Serial: 04118

Máy 4: Model: HTL1690-F5; số Serial: 04269

Số tiền nguyên đơn đã giải ngân cho hợp đồng này là 2.226.933.110 đồng.

Lãi suất cho thuê tại Khế ước nhận nợ số 01-13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 15/9/2020; lãi suất trong hạn: 03 tháng đầu tiên là 9,5%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi thay đổi định kỳ 03 tháng/1 lần theo công thức:  $LS_{13T} + 3.5\%/năm$ ; trong đó lãi suất 13T là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đối với khách hàng cá nhân theo niêm yết của Ngân hàng A tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2 hoặc bậc có số dư cao hơn liền kề (nếu không có bậc 2). Lãi suất cho thuê quá hạn bằng  $150\% \times$  lãi suất trong hạn.

Thời hạn cho thuê 36 tháng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020:

Tài sản cho thuê tài chính gồm 02 máy ép nhựa, nhãn hiệu HAITIAN, năm sản xuất 2020, xuất xứ Trung Quốc; cụ thể:

Máy 1: Model: MA5300/4000G; số Serial: 202011053053196 Tem: 2254

Máy 2: Model: MA3600/2250G; số Serial: 202011036025198

Tem: 2378 Số tiền nguyên đơn đã giải ngân cho hợp đồng này là 3.029.690.332 đồng.

Lãi suất cho thuê tại Khế ước nhận nợ số 01-17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 18/9/2020; lãi suất trong hạn: 06 tháng đầu tiên là 9%/năm, từ tháng thứ 07 trở đi thay đổi định kỳ 03 tháng/1 lần theo công thức:  $LS_{13T} + 3\%/năm$ ; trong đó lãi suất 13T là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đối với khách hàng cá nhân theo niêm yết của Ngân hàng A tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2 hoặc bậc có số dư cao hơn liền kề (nếu không có

bậc 2). Lãi suất cho thuê quá hạn bằng  $150\% \times$  lãi suất trong hạn.

Thời hạn cho thuê 36 tháng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020:

Tài sản cho thuê tài chính gồm 02 máy ép nhựa, nhãn hiệu SOUND, năm sản xuất 2020, xuất xứ Trung Quốc; cụ thể:

Máy 1: Model: UN270-EP1H; số Serial: UN2005019; Tem: 2431

Máy 2: Model: UN180; số Serial: UN1903018; Tem: 2453

Số tiền nguyên đơn đã giải ngân cho hợp đồng này là 1.140.925.074 đồng.

Lãi suất cho thuê tại Khế ước nhận nợ số 01-13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 15/9/2020; lãi suất trong hạn 06 tháng đầu tiên là  $9\%/năm$ , từ tháng thứ 07 trở đi thay đổi định kỳ 03 tháng/1 lần theo công thức:  $LS13T + 3\%/năm$ ; lãi suất cho thuê quá hạn:  $150\% \times$  lãi suất trong hạn.

Lãi suất cho thuê tại Khế ước nhận nợ số 02-13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 22/9/2020; lãi suất trong hạn: Từ 22/9/2020 đến ngày 11/02/2021 là  $9\%/năm$ ; từ ngày 12/02/2021 trở đi thay đổi định kỳ 03 tháng/1 lần theo công thức:  $LS13T + 3\%/năm$ ; trong đó: LS 13T là Lãi suất tiền gửi tiết kiệm đối với khách hàng cá nhân theo niêm yết của Ngân hàng A tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2 hoặc bậc có số dư cao hơn liền kề (nếu không có bậc 2).

Lãi suất cho thuê quá hạn bằng  $150\% \times$  lãi suất trong hạn. Thời hạn cho thuê 36 tháng.

Để thực hiện các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A ký các hợp đồng mua bán tài sản số 22.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 11/8/2020, số 21.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 08/9/2020, số 13.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 14/9/2020, số 18.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 17/9/2020 với Công ty TNHH Thương mại Sản xuất V và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đ để mua các tài sản cho thuê tài chính nêu trên. Tổng số tiền Công ty Tài chính đã giải ngân cho Công ty Cổ phần nhựa Đ là 6.397.548.516 đồng. Vào các ngày 11/8/2020, 08/9/2020, 14/9/2020, 21/9/2020, nguyên đơn và bị đơn đã ký Biên bản bàn giao tài sản cho thuê tài chính. Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân cho bị đơn theo các khế ước nhận nợ số 01-19.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 12/8/2020 giải ngân 435.622.810 đồng, số 01-13.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 15/9/2020 giải ngân 2.226.933.110 đồng, số 01-17.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 18/9/2020 giải ngân 3.029.690.332 đồng, số 02-21.19.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 22/9/2020 giải ngân 705.302.264 đồng.

Các Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên của Công ty Cổ phần nhựa Đ tại Công Tài chính được bảo đảm bằng Giấy cam kết cùng trả nợ ngày 11/8/2020 của ông Đặng C. Theo đó, ông Đặng C đồng ý cùng trả nợ cho Công ty Cổ phần nhựa Đ khi Công ty Cổ phần nhựa Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Hàng tháng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền thuê bao gồm nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 01 tháng/lần và nợ lãi tiền thuê tài chính định kỳ 01 tháng/lần theo lịch thanh toán đính kèm hợp đồng cho thuê tài chính.

Trước khi bị đơn trả hết toàn bộ số tiền vốn gốc cùng các khoản lãi, nguyên đơn vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính, nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng cho thuê tài chính hay bị mất khả năng thanh toán, nguyên đơn đều có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần nhựa Đ đã thanh toán cho Công ty Tài chính tính đến ngày 23/6/2025 theo các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên là 7.411.962.783 đồng, cụ thể:

+ Tổng số tiền đã thanh toán theo hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020 là 2.607.585.560 đồng, trong đó: Nợ gốc đã trả là 2.226.933.110 đồng, nợ lãi là 377.936.369 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.716.081 đồng.

+ Tổng số tiền đã thanh toán theo hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020 là 3.524.848.032 đồng, trong đó: Nợ gốc đã trả là 2.873.823.788 đồng, nợ lãi là 647.154.305 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.869.939 đồng.

+ Tổng số tiền đã thanh toán theo hợp đồng cho thuê tài chính số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020 là 1.279.529.191 đồng, trong đó: Nợ gốc đã trả là 1.029.264.345 đồng, nợ lãi là 246.712.983 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.551.863 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, bị đơn thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với bị đơn để yêu cầu thanh toán. Công ty Cổ phần nhựa Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho nguyên đơn kể từ kỳ thanh toán tháng 4 năm 2024.

Tính đến ngày 23/6/2025, tổng cộng các khoản nợ Công ty Cổ phần nhựa Đ còn nợ Công ty Tài chính theo các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên là 376.035.709 đồng, trong đó: Nợ gốc là 267.527.273 đồng, nợ lãi trong hạn là 76.920.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.022.330 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.505.744 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 60.000 đồng; cụ thể như sau:

+ Các khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020 là 3.251.616 đồng, trong đó: Nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.370.727 đồng, nợ lãi quá hạn là 768.639 đồng, nợ lãi chậm trả là 92.250 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 20.000 đồng;

+ Các khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020 là 235.390.235 đồng, trong đó: Nợ gốc: 155.866.544 đồng, nợ lãi trong hạn là 56.418.399 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.351.398 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.733.895 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 20.000 đồng;

+ Các khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020 là 137.393.857 đồng, trong đó: Nợ gốc: 111.660.729 đồng, nợ lãi trong hạn là 18.131.236 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.902.293 đồng, nợ lãi chậm trả là 679.599 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 20.000 đồng.

Nguyên đơn Công ty Tài chính khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ và ông Đặng C phải trả cho Công ty Tài chính tổng số tiền nợ tính đến ngày 23/6/2025 theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020, số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2024, số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020, Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ/PL01 ngày 23/9/2021, Giấy cam kết cùng trả nợ ngày 11/8/2020 và các khế ước nhận nợ nêu trên là 376.035.709 đồng, trong đó: Nợ gốc là 267.527.273 đồng, nợ lãi trong hạn là 76.920.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.022.330 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.505.744 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 60.000 đồng; ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và ông Đặng C còn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 24/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính, Giấy cam kết cùng trả nợ ngày 11/8/2020 và các khế ước nhận nợ nêu trên. Việc trả nợ thực hiện theo thứ tự như sau: Nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí xóa giao dịch bảo đảm.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bị đơn và ông Đặng C không trả hết số tiền còn nợ thì Công ty Cổ phần nhựa Đ phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tài sản cho thuê tài chính là 08 máy ép nhựa nêu trên thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn theo các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên để nguyên đơn xử lý nợ theo quy định. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản cho thuê tài chính không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho nguyên đơn và các chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì bị đơn và ông Đặng C phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho nguyên đơn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đặng C chỉ đến Tòa án vào sáng ngày 16/4/2025 và ngồi trao đổi với đại diện nguyên đơn thì ông bỏ về sau đó; còn các buổi làm việc khác thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của Công ty Tài chính và ông Đặng C cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản cho thuê tài chính ngày 25/3/2025, ông Đặng C với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần nhựa Đ trình bày: Số lượng 08 máy ép nhựa bị đơn thuê của nguyên đơn. Công ty Cổ phần nhựa Đ vẫn giữ nguyên hiện trạng của 08 máy ép nhựa thuê của nguyên đơn. Bị đơn xin trả nợ cho nguyên đơn trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Đối với các khoản nợ gốc và lãi bị đơn sẽ đối chiếu lại sau, mong nguyên đơn giảm lãi cho bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Công ty Tài chính đã ký các hợp đồng cho thuê tài chính và Giấy cam kết cùng trả nợ của ông Đặng C, các khế ước nhận nợ nêu trên với Công ty Cổ phần nhựa Đ theo như nội dung vụ án đã thể hiện, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1]. Về tố tụng:*

*Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Công ty Cổ phần nhựa Đ có ký các hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty Tài chính, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại, đây là tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Do Công ty Cổ phần nhựa Đ không trả tiền đúng hạn nên Công ty Tài chính được quyền khởi kiện.

Công ty Cổ phần nhựa Đ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 24/8/2022, công ty chưa đăng ký giải thể và có trụ sở tại Phường X, quận V, Thành phố H. Do bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ có trụ sở tại quận V, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; bị đơn nộp đơn ngày 23/6/2025 xin hoãn phiên tòa xét xử lần 2 với lý do sức khỏe của người đại diện theo pháp luật của công ty không tốt nhưng bị đơn không nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét, các đương sự được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân Sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần nhựa Đ và ông Đặng C theo quy định pháp luật. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt.

#### *[2]. Về nội dung:*

*Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Công ty Cổ phần nhựa Đ và Công ty Tài chính có ký các hợp đồng cho thuê tài chính, phụ lục hợp đồng và các khế ước nhận nợ. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

*Đối với các yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Xét Công ty Cổ phần nhựa Đ đã ký các hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020, số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020 và số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020, Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ/PL01 ngày 23/9/2021 với Công ty Tài chính. Căn cứ theo khoản 4 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định: “*Công ty cho thuê tài chính là loại hình công ty tài chính có hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định của Luật này*”. Như vậy, các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

Xét thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng, tài sản cho thuê tài chính là 08 máy ép nhựa như nêu trên; tổng số tiền Công ty Tài chính giải ngân cho Công ty Cổ phần nhựa Đ là 6.397.548.516 đồng. Các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên được bảo đảm bằng Giấy cam kết cùng trả nợ ngày 11/8/2020 của ông Đặng C, theo đó ông Đặng C đồng ý cùng trả nợ cho Công ty Cổ phần nhựa Đ khi Công ty Cổ phần nhựa Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Hàng tháng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền thuê bao gồm nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 01 tháng/lần và nợ lãi tiền thuê tài chính định kỳ 01 tháng/lần theo lịch thanh toán đính kèm hợp đồng cho thuê tài chính. Trước khi bị đơn trả hết toàn bộ số tiền vốn gốc cùng các khoản lãi, nguyên đơn vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật và thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính, nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng cho thuê tài chính hay bị mất khả năng thanh toán, nguyên đơn đều có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê.

Xét quá trình thực hiện các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng, nguyên đơn ký các hợp đồng mua bán tài sản số 22.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 11/8/2020, số 21.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 08/9/2020, số 13.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 14/9/2020, số 18.0920 /HĐMBTS-TPĐ ngày 17/9/2020 với Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Vạn Sự Lợi và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thuận Phát Đạt để mua các tài sản cho thuê tài chính nêu trên. Tổng số tiền Công ty Tài chính đã giải ngân cho Công ty Cổ phần nhựa Đ là 6.397.548.516 đồng, cụ thể theo các khế ước nhận nợ số 01-19.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày

12/8/2020 giải ngân 435.622.810 đồng, số 01-13.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 15/9/2020 giải ngân 2.226.933.110 đồng, số 01-17.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 18/9/2020 giải ngân 3.029.690.332 đồng, số 02-21.19.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 22/9/2020 giải ngân 705.302.264 đồng. Vào các ngày 11/8/2020, 08/9/2020, 14/9/2020, 21/9/2020, nguyên đơn và bị đơn đã ký Biên bản bàn giao tài sản cho thuê tài chính. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng. Công ty Tài chính xác nhận tổng số tiền Công ty Cổ phần nhựa Đ đã thanh toán cho Công ty Tài chính tính đến ngày 23/6/2025 theo các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng nêu trên là 7.411.962.783 đồng; tổng các khoản nợ Công ty Cổ phần nhựa Đ còn nợ Công ty Tài chính theo các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên là 376.035.709 đồng (trong đó: Nợ gốc là 267.527.273 đồng, nợ lãi trong hạn là 76.920.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.022.330 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.505.744 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 60.000 đồng).

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1598/2024/QĐ-CCTLCC và số 207/2025/QĐ-CCTLCC ngày 13/11/2024, ngày 17/02/2025 cho bị đơn và ông Đặng C, yêu cầu bị đơn và ông Đặng C cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc ký kết, thực hiện các hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020, số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2024, số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020) và các khế ước nhận nợ, các khoản vay đã thanh toán, các khoản vay còn nợ, các tài sản cho thuê tài chính, việc xử lý tài sản bảo đảm, cam kết trả nợ và những tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến tranh chấp giữa Công ty Cổ phần nhựa Đ với Công ty Tài chính trong vụ án nhưng bị đơn và ông Đặng C không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Xét ý kiến của ông Đặng C với tư cách cá nhân và tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần nhựa Đ trình bày trong Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản cho thuê tài chính ngày 25/3/2025 đã xác nhận số lượng 08 máy ép nhựa bị đơn thuê của nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên hiện trạng của 08 máy ép nhựa đã thuê; bị đơn xin trả nợ cho nguyên đơn trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày xem xét thẩm định tại chỗ tài sản; đối với các khoản nợ gốc và lãi bị đơn sẽ đối chiếu lại sau, mong nguyên đơn giảm lãi cho bị đơn. Tại đơn xin hoãn phiên tòa ngày 23/6/2025, bị đơn có ý kiến đề nghị để thêm thời gian vào cuối tháng 7/2025 cho bị đơn thu hồi công nợ thanh toán cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài chính cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn, gây thiệt hại cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn và ông Đặng C phải trả cho nguyên đơn 267.527.273 đồng tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn và ông Đặng C trả nợ lãi do chậm thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty Tài chính đã thực hiện xong nghĩa vụ mua tài sản cho thuê, nguyên đơn và bị đơn đã ký Biên bản bàn giao tài sản cho thuê tài chính và nguyên đơn đã bàn giao cho bị đơn đúng như thỏa thuận đã ký trong các hợp đồng cho thuê tài chính. Bị đơn mới thực hiện nghĩa vụ thanh

toán lại một phần số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng.

Căn cứ thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng cho thuê tài chính, Phụ lục hợp đồng và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*; Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả và phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm theo thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận.

Xét phương thức và thời gian thanh toán: Nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật.”*; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và ông Đặng C phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính, cần buộc bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ và ông Đặng C phải trả cho nguyên đơn tổng cộng các khoản nợ tính đến ngày 23/6/2025 theo các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng là 376.035.709 đồng, trong đó nợ gốc là 267.527.273 đồng, nợ lãi trong hạn là 76.920.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.022.330 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.505.744 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 60.000 đồng; cụ thể như sau:

+ Các khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020 là 3.251.616 đồng, trong đó nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.370.727 đồng, nợ lãi quá hạn là 768.639 đồng, nợ lãi chậm trả là 92.250 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 20.000 đồng;

+ Các khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020 là 235.390.235 đồng, trong đó nợ gốc là 155.866.544 đồng, nợ lãi trong hạn là 56.418.399 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.351.398 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.733.895 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 20.000 đồng;

+ Các khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020 là 137.393.857 đồng, trong đó nợ gốc là 111.660.729 đồng, nợ lãi trong hạn là 18.131.236 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.902.293 đồng, nợ lãi chậm trả là 679.599 đồng, phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 20.000 đồng.

Ngoài ra, bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ và ông Đặng C còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng nêu trên.

Trường hợp bị đơn và ông Đặng C không trả hết số tiền còn nợ thì Công ty Cổ phần nhựa Đ phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tài sản cho thuê tài chính là 08

máy ép nhựa thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn theo các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên để nguyên đơn xử lý nợ theo quy định. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản cho thuê tài chính không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho nguyên đơn và các chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì bị đơn và ông Đặng C phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho nguyên đơn.

[3] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ phải chịu án phí và chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản cho thuê tài chính theo quy định pháp luật. Nguyên đơn Công ty Tài chính không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp và được nhận lại chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản cho thuê tài chính.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 180, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ (tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đ) và ông Đặng C phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A tổng số tiền nợ phát sinh từ các hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020, số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020, số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020, Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ/PL01 ngày 23/9/2021 và các khế ước nhận nợ số 01-19.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 12/8/2020, số 01-13.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 15/9/2020, số 01-17.0920/HĐMBTS-TPĐ ngày 18/9/2020, số 02-21.19.0720/HĐMBTS-TPĐ ngày 22/9/2020 là 376.035.709 (Ba trăm bảy mươi sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm linh chín) đồng, trong đó cụ thể:

- Nợ gốc là: 267.527.273 (Hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba) đồng;
- Nợ lãi trong hạn là 76.920.362 (Bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng;
- Nợ lãi quá hạn là 28.022.330 (Hai mươi tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn ba trăm ba mươi) đồng;
- Nợ lãi chậm trả là 3.505.744 (Ba triệu năm trăm linh năm nghìn bảy trăm bốn mươi bốn) đồng;
- Phí xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là 60.000 (Sáu mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ (tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đ) và ông Đặng C còn phải trả cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng, các khế ước nhận nợ nêu trên.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị đơn và ông Đặng C không trả hết số tiền còn nợ thì bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ phải trả lại cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A toàn bộ tài sản cho thuê tài chính là 08 máy ép nhựa nêu trên thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 13.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 14/9/2020, số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ ngày 17/9/2020, số 19.0720/HĐCTTC-TPĐ ngày 11/8/2020 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 17.0920/HĐCTTC-TPĐ/PL01 ngày 23/9/2021 để nguyên đơn xử lý nợ theo quy định. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản cho thuê tài chính không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho nguyên đơn và các chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ và ông Đặng C phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho nguyên đơn.

**2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Công ty Cổ phần nhựa Đ (tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đ) phải chịu án phí là 18.801.785 (Mười tám triệu tám trăm linh một nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A đã nộp là 14.188.658 (Mười bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi tám) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0056511 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về chi phí tố tụng khác: Công ty Cổ phần nhựa Đ (tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đ) phải trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A đã nộp tạm ứng.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cho thuê tài chính A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Công ty Cổ phần nhựa Đ (tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại

Dịch vụ Đ) và ông Đặng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

**4. Về nghĩa vụ thi hành án:** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung).

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Tú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Tám**